

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Nam

Ông Phan Đắc Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953; địa chỉ: 1107 Broad St Apt #/B Endicott, N, Hoa Kỳ. Hiện đang tạm trú tại: 19/21 Kiệt 289 B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1962; địa chỉ: 5618 Stockport Turn, Chesterfield, VA 23832, Hoa Kỳ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của Ông Nguyễn Văn T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn T và Bà Lê Thị S quen biết, yêu nhau tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 9 năm 2013. Sau khi kết hôn, Ông T quay trở về Hoa Kỳ sinh sống, Bà S vẫn sống ở Việt Nam. Đến năm 2015, Bà Lê Thị S sang định cư tại Hoa Kỳ, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 năm. Đến tháng 6/2016, Bà S chuyển sang tiểu bang khác sinh sống. Từ đó cả hai sống xa nhau, bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, không còn giữ liên lạc với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách về địa lý, không có điều kiện vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình. Ông T nhận thấy khả năng vợ chồng đoàn tụ là rất khó, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, ông yêu cầu được ly hôn với Bà Lê Thị S.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Bà Lê Thị S:

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi yêu cầu, Tòa án nhận được thư trả lời của Bà Lê Thị S với nội dung: Bà đã nhận được các văn bản do Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế gửi và thông báo các nội dung liên quan vụ án. Bà Lê Thị S đồng ý ly hôn với Ông Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, do khoảng cách địa lý và công việc không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án nên Bà Lê Thị S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với Bà Lê Thị S.

Về án phí: Cần buộc Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị S định cư tại Hoa Kỳ, có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của Bà Lê Thị S về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt Bà Lê Thị S như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Bà Lê Thị S.

Ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của Ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và Bà Lê Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 23 tháng 9 năm 2013, số vào sổ đăng ký kết hôn là ngày 24 tháng 9 năm 2013. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của Ông Nguyễn Văn T thấy rằng: Sau kết hôn, Ông Nguyễn Văn T và Bà Lê Thị S sống xa nhau nhiều năm, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, việc đoàn tụ vợ chồng không có kết quả nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều muốn ly hôn để sớm có điều kiện ổn định cuộc sống riêng. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với Bà Lê Thị S.

[2.2] Về con chung: Các đương sự thừa nhận không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu và Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 454, Điều 470, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với Bà Lê Thị S; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và Bà Lê Thị S xác nhận không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000139 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của

pháp luật. Bà Lê Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào Vi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào Vi